TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/DS-ST
Ngày: 01/3/2022
Về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Siêng.

2. Ông Nguyễn Đình Thung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn T, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn T trình bày:*

Bà tham gia góp hụi do bà Th làm chủ và cho bà Th vay tiền như sau:

1. Về tiền hụi:

- Dây 1: Mở ngày 09/12/2020 (âm lịch), hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 22 phần, bà tham gia 01 phần, đã góp được 21 tháng.

- Dây 2: Mở ngày 17/6/2020 (âm lịch), hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 23

phần, bà tham gia 01 phần, đã góp được 17 tháng.

- Dây 3: Mở ngày 01/02/2021 (âm lịch), hụi 3.000.000 đồng/tháng, có 23 phần, bà tham gia 02 phần, đã góp được 08 tháng.

- Dây 4: Mở ngày 05/4/2021 (âm lịch), hụi 5.000.000 đồng/tháng, có 19 phần, bà tham gia 01 phần, đã góp được 05 tháng.

- Dây 5: Mở ngày 07/4/2021 (âm lịch), hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 22 phần, bà tham gia 02 phần, đã góp được 07 tháng.

- Dây 6: Mở ngày 17/5/2021 (âm lịch), hụi 2.000.000 đồng/tháng, bà tham gia 02 phần, đã góp được 07 tháng.

Trong đó, dây 1 bà đã hốt được 20.650.000 đồng nhưng bà Th không giao, từ dây 2 đến dây 6 bà đã góp tổng cộng 142.000.000 đồng nhưng chưa hốt.

2. Về tiền vay:

- Ngày 09/3/2021, vay 140.000.000 đồng; trong đó 40.000.000 đồng lãi suất 09%/tháng, 60.000.000 đồng lãi suất 10%/tháng và 40.000.000 đồng lãi suất 08%/tháng.

- Ngày 19/3/2021, vay 20.000.000 đồng, lãi suất 09%/tháng.

- Ngày 17/6/2021, vay 15.000.000 đồng, lãi suất 09%/tháng.

Tổng cộng 175.000.000 đồng vốn, thỏa thuận trả lãi hàng tháng, khi nào cần lấy vốn báo trước. Quá trình thực hiện bà Th không trả vốn và lãi. Bà đã yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng là Th cứ tránh mặt. Đến tháng 9/2021 (âm lịch), bà Th tuyên bố bể hụi và mất khả năng chi trả.

Bà yêu cầu buộc bà Th trả số tiền hụi và tiền vay còn nợ tổng cộng là 337.650.000 đồng. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà có vay tiền của bà T và bà T có tham gia góp các dây hụi do bà làm chủ cụ thể:

1. Về tiền vay: Thống nhất bà có vay các lần tiền và hiện còn nợ bà T 175.000.000 đồng vốn như bà T trình bày. Quá trình thực hiện, bà phải trả lãi cho bà T mỗi tháng 16.000.000 đồng, không nhớ đã trả tất cả bao nhiêu tiền lãi, việc trả lãi cũng không có gì chứng minh.

2. Về tiền hụi: Thống nhất bà T có tham gia góp các dây hụi do bà làm chủ như bà T trình bày. Tuy nhiên, số tiền bà T hốt hụi và đã góp đối với các dây hụi bể tất cả chỉ là 95.000.000 đồng.

Bà thừa nhận còn nợ bà T tiền hụi và tiền vay tổng cộng là 270.000.000 đồng. Bà xin bà T giảm nợ 50.000.000 đồng, còn 220.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Tại phiên tòa, bà T thống nhất tổng tiền hụi và tiền vay bà Th còn nợ là 270.000.000 đồng. Bà chỉ đồng ý giảm nợ xuống còn 245.000.000 đồng, không đồng ý cho trả dần theo đề nghị của bà Th. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Th có nơi cư trú tại khu phố 4, thị trấn V, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét bà Nguyễn T yêu cầu bà Nguyễn Thị Th trả số tiền hụi và vay còn nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa, giữa bà T và bà Th thống nhất tổng số tiền hụi và tiền vay bà Th còn nợ là 270.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không phân tích gì thêm. Bà Th đề nghị bà T giảm nợ còn 220.000.000 đồng và xin trả dần nhưng không được bà T đồng ý. Bà T tự nguyện giảm nợ cho bà Th xuống còn 245.000.000 đồng, xét thấy việc giảm nợ của bà T là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bà Th là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật, tham gia giao dịch với ý chí tự nguyện nên hợp đồng góp hụi và vay tài sản giữa bà Th với bà T là có hiệu lực pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hốt hụi và nợ vay cho bà T là đã vi phạm sự thỏa thuận giữa hai bên, cũng như không trả lại tiền góp hụi đối với các dây hụi bể gây thiệt hại đến quyền lợi của bà T. Do vậy, bà T có quyền yêu cầu bà Th có nghĩa vụ trả lại số tiền nợ hụi và tiền đã cho vay để bảo vệ quyền lợi cho mình. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Th có nghĩa vụ trả tiền theo yêu cầu của bà T là phù hợp.

[2.2] Về tiền lãi: Bà T, bà Th không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[3] Về án phí: Yêu cầu của bà T được chấp nhận toàn bộ nên bà Th phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do bà Th là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các điều 463, 466 và 471 của Bộ luật dân sự; các điều 24, 26, 27 và 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T.

Buộc bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ trả cho Nguyễn T 245.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Th được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn T là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải hoàn.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bà Nguyễn T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Nguyễn Thị Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn T, bà Nguyễn Thị Th được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thanh Phú